

## I. HOSE công bố Bộ quy tắc tính chỉ số 4.0 theo quyết định số 747/QĐ-SGDHCM

- Ngày 30/12/2024, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE) ban hành Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index phiên bản 4.0 kèm theo Quyết định số 747/QĐ-SGDHCM của Chủ tịch công ty HOSE.
- Quyết định số 747/QĐ-SGDHCM có hiệu lực sau 60 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 788/QĐ-SGDHCM ngày 25/10/2022 về việc ban hành Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index phiên bản 3.1. Như vậy, Bộ chỉ số HOSE-Index phiên bản 4.0 sẽ chính thức có hiệu lực từ tháng 03/2025. Trong đó một số nội dung thay đổi sẽ tác động đến việc sàng lọc các chỉ số trong bộ chỉ số HOSE-Index, trong đó có VN30
- Chỉ số VN30 đóng vai trò quan trọng trong thị trường chứng khoán bao gồm: (1) Là tài sản cơ sở cho hợp đồng tương lai. (2) Chỉ số tham chiếu cho 04 Quỹ hoán đổi danh mục (ETF) niêm yết tại HOSE và 3 quỹ ETF niêm yết tại TTCK khu vực. (3) Tiêu chí để sàng lọc danh mục chứng khoán cơ sở cho sản phẩm chứng quyền có đảm bảo (Covered Warrant) niêm yết trên HOSE.

### Những thay đổi chính trong phiên bản 4.0

Tiêu chí thay đổi	Quy tắc 3.1	Quy tắc 4.0 (hiệu lực từ T3/2025)	Ý Nghĩa/Tác động
Mục 4.3.1: Xác định rổ VN30 (Từ cổ phiếu thành phần chỉ số VNAllshare)	KLGD Khớp lệnh $\geq 100,000$ cổ phiếu GTGD Khớp lệnh $\geq 10$ tỷ đồng LNST	$\geq 300,000$ cổ phiếu $\geq 30$ tỷ đồng <ul style="list-style-type: none"> <li>LNST thu thập từ BCTC bán niên soát xét hoặc BCTC năm được kiểm toán gần nhất</li> <li>Sử dụng LNST của cổ đông công ty mẹ trên BCTC hợp nhất</li> <li>Chỉ xét BCTC có ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần. Nếu có ý kiến kiểm toán cần lưu ý thì sẽ lấy ý kiến của Hội đồng chỉ số</li> <li><b>LNST <math>\geq 0</math></b></li> </ul>	Tăng tính thanh khoản của các cổ phiếu được chọn vào rổ Bổ sung tiêu chí tài chính về LNST không âm giúp nâng cao chất lượng của các cổ phiếu được sàng lọc vào rổ chỉ số VN30, khẳng định các doanh nghiệp trong rổ chỉ số này đều là các doanh nghiệp có nền tảng phát triển tốt
Mục 7.4: Giới hạn tỷ trọng vốn hóa của nhóm cổ phiếu cùng ngành	Cổ phiếu đơn lẻ 10% Cổ phiếu có liên quan 15% Cổ phiếu cùng nhóm ngành (Chuẩn phân ngành GICS cấp 1)	10% 15% <b>40%</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tránh tình trạng một cổ phiếu đơn lẻ/cổ liên quan/cùng ngành chiếm tỷ trọng vốn hóa quá lớn trong chỉ số.</li> <li>Theo kết quả review tháng 1/2025 vừa công bố, ước tính vốn hóa của nhóm cổ phiếu tài chính (Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm) trong rổ VN30 đang chiếm hơn 60% vốn hóa của chỉ số (. Như vậy tại kỳ review tiếp theo, tỷ trọng nhóm cổ phiếu tài chính trong chỉ số sẽ bị giới hạn xuống còn 40%.</li> </ul>
Mục 11. Công bố thông tin	Ngày công bố kết quả Kỳ cập nhật thông tin khối lượng lưu hành, free-float, giới hạn tỷ trọng vốn hóa	<b>Thứ Hai lần thứ 3</b> của tháng 1 và 7 <b>Thứ Hai lần thứ ba</b> của Tháng 1,4,7 và 10	<b>Thứ Tư lần thứ 3</b> của Tháng 1 và 7 <b>Thứ Tư lần thứ 3</b> của Tháng 1,4,7 và 10

## II. Xu hướng dòng vốn ETFs trên thị trường Việt Nam

- Tại Việt Nam, lũy kế từ đầu năm 2025 đến nay các etfs rút ròng khoảng 23 triệu USD,

Name	Tổng tài sản (Triệu USD)	1 tháng	3 tháng	Từ đầu năm	1 năm
VinaCapital VN100 ETF	0.0	-	-	-	-
IPAAM VN100 ETF	1.9	-	-	-	-
CSOP FTSE Vietnam 30 ETF	2.9	-	-	-	-
KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	4.1	-	-	-	1.7
Premia Vietnam ETF	4.5	-	-	-	-4.8
Premia Vietnam ETF	4.5	-	-0.7	-	-10.3
SSIAM VNX50 ETF	5.0	-	-	-	-2.0
SSIAM VN30 ETF	6.7	-	-	-	0.1
Korea Investment & Securities KIS Inverse Vietnam VN30 Futures ETN H 64	6.7	-	-	-	-
Korea Investment & Securities KIS Vietnam VN30 Futures ETN H 63	6.8	-	-	-	-
Korea Investment & Securities KIS Inverse 2X Vietnam VN30 Futures ETN H 66	10.4	-	-	-	-
Korea Investment & Securities KIS Leverage Vietnam VN30 Futures ETN H 65	10.9	-	-	-	-
Global X MSCI Vietnam ETF	11.3	-	-	-	1.9
KIM Growth VNFINSELECT ETF	12.4	-	0.1	-	-1.6
DCVFMVN Mid Cap ETF	13.9	-	-	-	3.8
CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	16.8	-0.6	-0.6	-0.6	-2.8
SSIAM VNFIN LEAD ETF	18.1	-0.5	-0.2	-0.5	-71.4
KIM Growth VN30 ETF	70.2	-	1.3	-	40.5
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	160.9	-	-36.9	-	-56.8
Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	246.6	-3.5	-21.1	-3.5	-77.3
DCVFMVN30 ETF Fund	257.0	-7.5	-18.9	-4.8	-97.0
VanEck Vietnam ETF	397.3	-13.8	-55.1	-13.8	-70.1
DCVFMVN Diamond ETF	485.1	2.8	-14.4	2.1	-303.4
Fubon FTSE Vietnam ETF	574.7	-5.2	-13.2	-2.3	-225.3
<b>Tổng</b>		<b>-28.2</b>	<b>-159.6</b>	<b>-23.4</b>	<b>-874.8</b>

Nguồn: Bloomberg

### III. Các quỹ ETF tham chiếu chỉ số VN30 Index , VNDiamond Index, VNFinLead cơ cấu cuối vào ngày 24/01/2025

- Các chỉ số sẽ có hiệu lực vào ngày 03/02/2025. Tuy nhiên do kỳ nghỉ lễ Tết Nguyên Đán nên các quỹ ETF sẽ thực hiện tái cơ cấu danh mục với thời hạn cuối cùng tại ngày 24/01/2025.
- Đáng chú ý chỉ số VN30 Index loại POW và bổ sung LPB vào danh mục trong khi VNDiamond Index và VN FinLead Index không có thay đổi cổ phiếu thành phần.
- Căn cứ vào giá đóng cửa ngày 22/01, chúng tôi ước tính KLGD mà quỹ cần bán/mua ròng. Chi tiết tham khảo bảng dưới đây: (thứ tự từ mức bán ròng/thanh khoản BQ tháng lớn nhất trở xuống)

#### Bảng tổng hợp ước tính thay đổi từ các quỹ ETF tham chiếu 2 chỉ số trên

STT	Mã CK	Số lượng cp hiện tại	SLCP mới	SLCP Thay đổi	KLGD TB 20D	SLCP Giao dịch/KLGD TB 20D
1	LPB	963,980	19,152,886	18,188,906	3,359,379	541%
2	OCB	8,195,430	12,998,367	4,802,937	2,281,109	211%
3	BMP	980,900	1,289,671	308,771	223,586	138%
4	NLG	12,587,288	13,470,988	883,700	1,790,393	49%
5	VIB	24,329,787	26,593,260	2,263,473	8,921,632	25%
6	MBB	53,729,174	55,591,022	1,861,848	11,377,906	16%
7	KDH	12,705,821	12,979,968	274,147	1,944,124	14%
8	MSN	4,448,876	5,033,521	584,645	4,756,986	12%
9	MSB	22,294,617	22,840,652	546,035	7,100,886	8%
10	HDB	41,648,345	42,683,919	1,035,574	16,286,440	6%
11	MWG	34,430,656	34,727,923	297,267	5,280,147	6%
12	TPB	21,127,586	21,390,581	262,995	7,940,446	3%
13	SSB	12,829,099	12,834,018	4,919	4,782,079	0%
14	HCM	123,770	125,706	1,936	6,575,235	0%
15	VCI	176,983	173,541	-3,442	3,851,342	0%
16	BVH	520,300	519,560	-740	696,632	0%
17	NAB	92,200	73,673	-18,527	5,598,714	0%
18	EIB	812,734	748,889	-63,845	9,406,538	-1%
19	VIX	958,500	739,848	-218,652	12,292,090	-2%
20	VND	774,225	549,515	-224,710	7,660,130	-3%
21	CTG	11,444,227	11,207,856	-236,371	6,737,516	-4%
22	BID	1,938,598	1,800,087	-138,511	3,348,200	-4%
23	GVR	1,094,800	1,018,038	-76,762	1,463,984	-5%
24	VJC	2,045,786	1,895,372	-150,414	1,859,354	-8%
25	SSI	10,923,706	9,901,391	-1,022,315	12,531,829	-8%
26	STB	14,362,061	13,296,091	-1,065,970	11,652,608	-9%
27	BCM	300,700	263,417	-37,283	397,744	-9%
28	VIC	7,909,884	7,298,689	-611,195	5,613,532	-11%
29	GAS	803,452	745,291	-58,161	514,480	-11%
30	HPG	24,209,356	22,383,720	-1,825,636	13,610,817	-13%
31	PNJ	13,496,304	13,407,332	-88,972	637,073	-14%
32	SAB	978,300	897,667	-80,633	566,891	-14%
33	PLX	858,740	727,600	-131,140	874,529	-15%
34	SHB	22,865,755	21,170,684	-1,695,071	10,820,481	-16%
35	TCB	77,558,830	75,475,719	-2,083,111	11,742,181	-18%
36	VRE	9,515,723	8,435,049	-1,080,674	5,695,975	-19%
37	ACB	66,969,597	65,519,042	-1,450,555	7,543,713	-19%
38	VCB	4,364,913	4,058,913	-306,000	1,591,344	-19%
39	VNM	5,757,891	5,319,137	-438,754	2,132,136	-21%
40	VPB	65,166,206	61,619,712	-3,546,494	10,805,909	-33%
41	FPT	20,545,216	18,381,239	-2,163,977	3,998,590	-54%
42	POW	3,218,700	-	-3,218,700	4,075,641	-79%
43	VHM	10,376,670	6,533,598	-3,843,072	4,588,379	-84%
44	GMD	17,411,299	16,425,915	-985,384	835,038	-118%
45	REE	8,670,333	7,695,376	-974,957	436,360	-223%

Báo cáo này được thực hiện bởi VPBankS Research, và được sử dụng như một nguồn tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư tìm đọc các phương pháp xếp hạng, cam kết của chuyên viên phân tích, tuyên bố miễn trừ trách nhiệm, và các công bố quan trọng khác bởi VPBankS, được trình bày trong phụ lục tại cuối báo cáo.

### III.1 Các quỹ ETF tham chiếu chỉ số VN30 Index

- Trong kỳ này, Chỉ số VN30 Index loại POW và bổ sung mã LPB vào danh mục. Tại kỳ review này nhóm tài chính đang chiếm trọng số vốn hóa trên 60%.
- Hiện tại có 4 quỹ ETF đang tham chiếu chỉ số VN30 Index với tổng quy mô tài sản ước tính khoảng 360 triệu USD
- Trong kỳ cơ cấu lần này, chúng tôi dự báo các quỹ ETF có khả năng sẽ bán ròng mạnh một số mã như POW, VHMở chiều ngược lại mua ròng LPB ở mức đáng kể so với thanh khoản bình thặng của các cổ phiếu này. Các cổ phiếu còn lại tác động không quá lớn khi tỷ trọng SLCP giao dịch/TB 20D đều ở mức dưới 30%. Chi tiết xin xem bảng dưới đây:

	Mã CK	SLCP hiện tại	SLCP mới	SLCP Thay đổi	KLGD TB 20D	SLCP Giao dịch/KLGD TB 20D
1	LPB	-	18,057,016	18,057,016	3,359,379	537.51%
2	VIB	10,213,475	12,321,019	2,107,544	8,921,632	23.62%
3	MSN	4,448,876	5,033,521	584,645	4,756,986	12.29%
4	BVH	520,300	519,560	-740	696,632	-0.11%
5	SSB	12,637,041	12,626,856	-10,185	4,782,079	-0.21%
6	BID	1,898,712	1,755,484	-143,228	3,348,200	-4.28%
7	GVR	1,094,800	1,018,038	-76,762	1,463,984	-5.24%
8	SSI	9,468,822	8,738,018	-730,804	12,531,829	-5.83%
9	CTG	5,541,064	5,125,179	-415,885	6,737,516	-6.17%
10	VRE	6,242,723	5,783,268	-459,455	5,695,975	-8.07%
11	VJC	2,045,786	1,895,372	-150,414	1,859,354	-8.09%
12	HDB	18,025,611	16,678,620	-1,346,991	16,286,440	-8.27%
13	STB	12,968,861	11,995,136	-973,725	11,652,608	-8.36%
14	TPB	9,075,630	8,405,039	-670,591	7,940,446	-8.45%
15	BCM	300,700	263,417	-37,283	397,744	-9.37%
16	VIC	7,909,884	7,298,689	-611,195	5,613,532	-10.89%
17	GAS	803,452	745,291	-58,161	514,480	-11.30%
18	MWG	8,050,256	7,439,234	-611,022	5,280,147	-11.57%
19	MBB	22,780,195	21,354,944	-1,425,251	11,377,906	-12.53%
20	HPG	24,209,356	22,383,720	-1,825,636	13,610,817	-13.41%
21	SAB	978,300	897,667	-80,633	566,891	-14.22%
22	SHB	21,413,300	19,807,529	-1,605,771	10,820,481	-14.84%
23	PLX	858,740	727,600	-131,140	874,529	-15.00%
24	VCB	4,216,179	3,911,812	-304,367	1,591,344	-19.13%
25	TCB	31,508,530	29,136,664	-2,371,866	11,742,181	-20.20%
26	VNM	5,757,891	5,319,137	-438,754	2,132,136	-20.58%
27	VPB	30,023,391	27,764,818	-2,258,573	10,805,909	-20.90%
28	FPT	6,958,277	6,018,733	-939,544	3,998,590	-23.50%
29	ACB	27,660,459	25,578,162	-2,082,297	7,543,713	-27.60%
30	POW	3,218,700	-	-3,218,700	4,075,641	-78.97%
31	VHM	10,376,670	6,533,598	-3,843,072	4,588,379	-83.76%

### III.2 Các quỹ ETF tham chiếu chỉ số VNDiamond Index

- Chỉ số VNDiamond Index tiếp tục giữ nguyên 19 cổ phiếu trong danh mục, chỉ thay đổi nhỏ về mặt trọng số với một số cổ phiếu.
- Hiện tại có 5 quỹ ETF mô phỏng chỉ số, tuy nhiên do quỹ VFMVN Diamond có tổng tài sản chiếm phần lớn với quy mô hơn 485 triệu USD do đó chúng tôi chỉ đánh giá thay đổi số lượng cp với quỹ ETF trên và quỹ Kim Growth VNDiamond (4.08 triệu USD)
- Trong kỳ cơ cấu lần này, chúng tôi đánh giá có khả năng sẽ **bán ròng mạnh một số mã như REE, GMD và chiều ngược lại mua ròng OCB, BMP** ở mức đáng kể so với thanh khoản bình quân tháng của các cổ phiếu này. Chi tiết xin xem bảng dưới đây:

STT	Mã CK	Số lượng cp hiện tại	SLCP mới	SLCP Thay đổi	KLGD TB 20D	SLCP Giao dịch/KLGD TB 20D
1	OCB	8,110,680	12,908,162	4,797,482	2,281,109	210%
2	BMP	980,900	1,289,671	308,771	223,586	138%
3	NLG	12,587,288	13,470,988	883,700	1,790,393	49%
4	MBB	28,688,110	31,944,792	3,256,682	11,377,906	29%
5	MWG	26,380,400	27,288,688	908,288	5,280,147	17%
6	HDB	22,614,160	24,949,495	2,335,335	16,286,440	14%
7	KDH	12,705,821	12,979,968	274,147	1,944,124	14%
8	TPB	11,686,628	12,573,072	886,444	7,940,446	11%
9	MSB	21,726,083	22,272,123	546,040	7,100,886	8%
10	ACB	37,721,923	38,262,291	540,368	7,543,713	7%
11	TCB	43,164,200	43,585,442	421,242	11,742,181	4%
12	CTG	5,588,036	5,750,054	162,018	6,737,516	2%
13	VIB	13,836,742	13,823,230	- 13,512	8,921,632	0%
14	VRE	3,273,000	2,651,782	- 621,218	5,695,975	-11%
15	VPB	32,537,716	31,149,977	- 1,387,739	10,805,909	-13%
16	PNJ	13,496,304	13,407,332	- 88,972	637,073	-14%
17	FPT	13,586,939	12,362,506	- 1,224,433	3,998,590	-31%
18	GMD	17,411,299	16,425,915	- 985,384	835,038	-118%
19	REE	8,670,333	7,695,376	- 974,957	436,360	-223%

### III.3 Các quỹ ETF tham chiếu chỉ số VNFinLead Index

- Quỹ Fin Lead không có sự thay đổi về danh mục trong kỳ review này.
- Hiện có quỹ SSIAM VN FIN Lead ETF mô phỏng chỉ số VN VNFinLead Index với quy mô gần 18 triệu USD
- Trong kỳ cơ cấu lần này, chúng tôi đánh giá các cổ phiếu trong danh mục sẽ giao dịch với quy mô nhỏ so với thanh khoản. Chi tiết xin xem bảng dưới đây:

STT	Mã CK	Số lượng cp hiện tại	SLCP mới	SLCP Thay đổi	KLGD TB 20D	% SLCP giao dịch / KLGD TB 1 tháng
1	LPB	963,980	1,095,869	131,889	3,359,379	3.9%
2	VIB	279,570	449,011	169,441	8,921,632	1.9%
3	ACB	1,587,215	1,678,589	91,374	7,543,713	1.2%
4	VPB	2,605,099	2,704,917	99,818	10,805,909	0.9%
5	TPB	365,328	412,471	47,143	7,940,446	0.6%
6	SSB	192,058	207,162	15,104	4,782,079	0.3%
7	HDB	1,008,574	1,055,804	47,230	16,286,440	0.3%
8	MBB	2,260,869	2,291,286	30,417	11,377,906	0.3%
9	CTG	315,127	332,624	17,497	6,737,516	0.3%
10	OCB	84,750	90,205	5,455	2,281,109	0.2%
11	BID	39,886	44,604	4,718	3,348,200	0.1%
12	HCM	123,770	125,706	1,936	6,575,235	0.0%
13	MSB	568,534	568,529	-5	7,100,886	0.0%
14	VCI	176,983	173,541	-3,442	3,851,342	-0.1%
15	VCB	148,734	147,101	-1,633	1,591,344	-0.1%
16	NAB	92,200	73,673	-18,527	5,598,714	-0.3%
17	EIB	812,734	748,889	-63,845	9,406,538	-0.7%
18	STB	1,393,200	1,300,955	-92,245	11,652,608	-0.8%
19	SHB	1,452,455	1,363,155	-89,300	10,820,481	-0.8%
20	TCB	2,886,100	2,753,613	-132,487	11,742,181	-1.1%
21	VIX	958,500	739,848	-218,652	12,292,090	-1.8%
22	SSI	1,454,884	1,163,373	-291,511	12,531,829	-2.3%
23	VND	774,225	549,515	-224,710	7,660,130	-2.9%

## MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và Cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và Cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và Cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán VPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán VPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 25, tòa nhà VPBANK, số 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: [cskh@vpbanks.com.vn](mailto:cskh@vpbanks.com.vn)

Website: [www.vpbanks.com.vn](http://www.vpbanks.com.vn)

### Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu

Email: [research@vpbanks.com](mailto:research@vpbanks.com)

### Đỗ Trung Thành – Chuyên viên phân tích

Email: [thanhd@vpbanks.com](mailto:thanhd@vpbanks.com)